

Thị trường vẫn giảm nhưng có vài dấu hiệu để hi vọng hồi phục

Các chỉ số tiếp tục diễn biến một chiều trong phiên hôm nay với áp lực giảm chiếm toàn phiên nhưng ít nhất cũng có những nỗ lực thu hẹp đà giảm ở cuối phiên. Áp lực từ thị trường chứng khoán khu vực vẫn ảnh hưởng khá lớn tới tâm lý chung nhưng đã có sự phân hóa tương đối khi một vài thị trường hồi phục riêng rẽ bất chấp chứng khoán Trung Quốc giảm mạnh và theo quan sát chúng tôi nhận thấy một vài điểm sáng cho phiên giao dịch ngày mai. VNIndex đóng cửa ở 888.82 điểm giảm 12 điểm và VN30 đóng cửa ở 874.43 điểm giảm 6.63 điểm với thanh khoản toàn thị trường vẫn rất thấp khi chỉ đạt gần 4000 tỷ

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn tác động đáng kể tới phiên giảm điểm hôm nay dẫn đầu là VHM, GAS, BID, VNM, VCB, CTG, PLX...nhưng cũng đã xuất hiện nhiều cổ phiếu lớn bắt đầu giữ được giá, phân hóa và hồi phục nhẹ trở lại như VIC, BVH, VRE, SAB, MBB. Nhóm cổ phiếu ngân hàng diễn biến vẫn khá tệ hại với duy nhất MBB tăng 1%, TPB tham chiếu trong khi hầu hết vẫn giảm điểm dẫn đầu là BID -5.6%; VPB -3.1%; STB -2.4%; CTG -1.8%; ACB -1.1%; VCB -1.1%...Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán đóng cửa tích cực hơn với nhiều cổ phiếu trụ được ở tham chiếu hoặc tăng giá như HCM +2.1%; VCI +1.9%; VND, MBS, SHS tham chiếu; SSI -0.5%. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí giảm dẫn đầu là GAS -4.7%; BSR -2.5%; PLX -1.2%; OIL -1.4% trong khi PVB, PVC tham chiếu và PVD tăng 1.3%; PVS tăng +1.6%. Nhóm cổ phiếu giảm vẫn chiếm áp đảo nhưng chúng tôi nhận thấy số lượng cổ phiếu lớn tìm được điểm tựa để trụ vững khi chỉ số giảm đang tăng lên như MBB, VIC, MSN, VJC, FPT, REE, GMD, VRE, SBT,... và điều này cũng ít nhất cho thấy kỳ vọng hồi phục cho phiên giao dịch sau khi các cổ phiếu đang giảm cũng ngừng đà rơi. Hơn nữa, ít nhất điều này cũng tạo ra sự sốt ruột đáng kể cho bên mua với tâm lý đang chờ bắt đáy ở vùng giá thấp

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch ở quy mô rất thấp so với trung bình trong phiên hôm nay và khối này bán ròng hơn 60 tỷ trên sàn HOSE. Các cổ phiếu như GMD, SSI, KDH, VCB, HSG, DXG...được mua ròng nhẹ và ở chiều ngược lại khối này bán ròng VIC, HPG, HDB, GAS, MSN, PPC, ...

Thị trường giảm điểm phiên thứ 8 liên tiếp và một lần nữa thử thách hỗ trợ 885 tương đương vùng đáy tháng 7/2018. Điều tích cực mà chúng tôi ghi nhận được là lượng cung không thực sự quá lớn khi chỉ số tiến về vùng này và số lượng cổ phiếu lớn bắt đầu phân hóa trở lại ngày càng nhiều hơn. Thị trường phái sinh hôm nay cũng phát đi tín hiệu khá rõ rệt về kỳ vọng hồi phục khi đóng cửa với mức cao hơn 3.57-5.47 điểm trên các kỳ hạn hợp đồng tương lai. Hơn nữa, chúng tôi cũng nhận thấy sự bình ổn và phân hóa tạm thời ngay cả với các thị trường tài chính lớn khi không bị cuốn theo mức giảm mạnh của thị trường chứng khoán Trung Quốc phiên hôm nay. Do đó, xác suất cao thị trường sẽ có phiên hồi phục trong ngày mai và chúng tôi cũng không chắc chắn rằng đây đã thực sự là đáy ngắn hạn của thị trường hay chỉ là một đợt hồi phục nhẹ trước khi thị trường giảm tiếp nên chúng tôi vẫn coi đây là cơ hội giảm tỷ trọng với các nhà đầu tư ngắn hạn còn tỷ trọng cổ phiếu quá cao.

Thông kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	888.8	101.2
% Thay đổi	-1.33	-0.61
Khối lượng	140.0	31.0
Giá trị (tỷ đồng)	3,211.7	418.8
Số mã tăng	109	61
Số mã giảm	176	93
Không thay đổi	84	220

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,233	0.28
WTI Oil (\$/B) 1Mth	67	-0.47
Brent Oil (\$/B) 1Mth	77	-0.45
USDVND	23,351	0.02
EURVND	26,652	-0.06

Nguồn: Bloomberg

VNINDEX



HNX-INDEX



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.91	-2.10%	14.82	3.74
Thực phẩm và đồ uống	18.98	-0.44%	23.43	6.73
Năng lượng	3.08	-1.01%	16.62	3.10
Tài chính	26.86	-1.43%	15.79	2.28
Y tế	1.05	-0.68%	17.77	2.94
Công nghiệp	8.09	-0.63%	13.52	3.43
Công nghệ thông tin	1.00	0.39%	8.32	2.05
Vật liệu và hóa chất	4.99	-0.39%	10.29	1.81
Bất động sản	24.48	-1.12%	50.43	4.44
Dịch vụ tiện ích	8.03	-3.97%	14.32	3.89

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,076.9	-3.05%	11.34	1.49	3,646.7
India	10,250.9	2.20%	20.85	2.74	1,000.2
Indonesia	5,754.6	-0.52%	18.68	2.16	431.0
Laos	831.0	0.13%	4.93	0.30	1.1
Malaysia	1,683.7	0.04%	17.89	1.77	252.0
Philippines	7,109.0	0.63%	18.22	1.96	165.8
Taiwan	9,516.3	0.29%	12.74	1.52	869.6
Thailand	1,636.9	0.49%	15.84	1.90	495.5
Vietnam	888.8	-1.33%	15.64	2.44	124.0

HOSE					
Tăng mạnh nhất VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
FIR	23,000	1,500	7.0	11,200	0.006
HSL	22,300	1,450	7.0	908,380	0.007
BRC	8,770	570	7.0	10	0.002
ACL	22,450	1,450	6.9	81,500	0.010
SC5	28,650	1,850	6.9	9,960	0.009

HNX					
Tăng mạnh nhất VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
CSC	35,200	3,200	10.0	23,100	0.000
PJC	45,100	4,100	10.0	100	0.000
MCC	11,100	1,000	9.9	100	0.000
PPY	15,700	1,400	9.8	100	0.000
HHC	91,500	7,900	9.5	100	0.000

Giảm mạnh nhất VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
####	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!	#REF!
TGG	7,440	-560	-7.0	35,710	-0.005
DXV	3,610	-270	-7.0	10	-0.001
SII	19,400	-1,450	-7.0	130	-0.030
TTF	4,420	-330	-7.0	165,660	-0.022

Giảm mạnh nhất VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
PVV	600	-100	-14.3	22,400	0.000
ARM	54,000	-6,000	-10.0	100	0.000
LBE	16,200	-1,800	-10.0	100	0.000
PGT	3,600	-400	-10.0	1,400	0.000
SRA	67,500	-7,500	-10.0	107,600	0.000

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VIC	97,200	800	0.8	643,700	0.806
BVH	94,700	1,200	1.3	144,560	0.265
SAB	222,000	800	0.4	67,050	0.162
MBB	21,250	200	1.0	3.86MLN	0.136
VRE	35,200	200	0.6	1.05MLN	0.120

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
HHC	91,500	7,900	9.5	100	0.073
PVS	19,100	300	1.6	5.07MLN	0.069
NVB	9,400	100	1.1	1.02MLN	0.029
DGC	44,100	500	1.2	121,400	0.022
VGC	15,100	100	0.7	1.01MLN	0.021

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
GAS	97,000	-4,800	-4.7	481,650	-2.898
VHM	61,800	-3,200	-4.9	338,080	-2.705
BID	28,900	-1,700	-5.6	2.48MLN	-1.834
VNM	120,000	-1,500	-1.2	488,810	-0.824
VCB	52,900	-600	-1.1	1.26MLN	-0.681

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
ACB	28,000	-300	-1.1	4.00MLN	-0.378
SHB	7,500	-100	-1.3	4.18MLN	-0.105
VCS	72,200	-1,700	-2.3	112,600	-0.056
VCG	17,800	-800	-4.3	1.22MLN	-0.054
CEO	12,300	-400	-3.2	476,200	-0.038

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
FLC	5,000	-20	-0.4	5.73MLN	-0.004
STB	12,000	-300	-2.4	5.71MLN	-0.178
VPB	20,400	-650	-3.1	5.38MLN	-0.504
HPG	38,850	-50	-0.1	4.46MLN	-0.034
ITA	2,750	60	2.2	4.36MLN	0.018

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
PVS	19,100	300	1.6	5.07MLN	0.069
SHB	7,500	-100	-1.3	4.18MLN	-0.105
ACB	28,000	-300	-1.1	4.00MLN	-0.378
ART	4,200	-200	-4.6	1.52MLN	-0.020
VCG	17,800	-800	-4.3	1.22MLN	-0.054

Nguồn: Bloomberg 29/10/18

TIN VĨ MÔ

CPI tháng 10 tăng 0,33% - Tổng cục Thống kê vừa công bố tình hình kinh tế xã hội 10 tháng đầu năm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 tăng 0,33% so với tháng trước. So với cùng kỳ 2017, CPI tháng 10 năm nay tăng 3,89%. Còn so với cuối 2017, CPI tháng 10/2018 tăng 3,54%. Việc tăng giá xăng và giá dịch vụ uy tín ảnh hưởng chính đến CPI chung của tháng 10. Cụ thể, ảnh hưởng từ đợt điều chỉnh tăng giá xăng dầu vào ngày 6/10 khiến CPI chung tăng 0,14%.

TIN DOANH NGHIỆP

MSN - Lãi ròng 9 tháng đạt 3.779 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ - CTCP Tập đoàn Masan (Masan Group/MSN) vừa công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3. Theo đó, trong quý, Masan Group đạt 9.171 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 3%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu hợp nhất của Masan Group đạt 26.630 tỷ đồng, giảm 3%. Lợi nhuận ròng tăng gấp 3 lần, từ 1.213 tỷ lên 3.779 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do công ty phát sinh khoản thu nhập tài chính bất thường từ đánh giá lại khoản đầu tư vào Techcombank trong quý 2, theo đó doanh thu tài chính trong 9 tháng tăng vọt từ 360 tỷ lên 1.759 tỷ đồng.

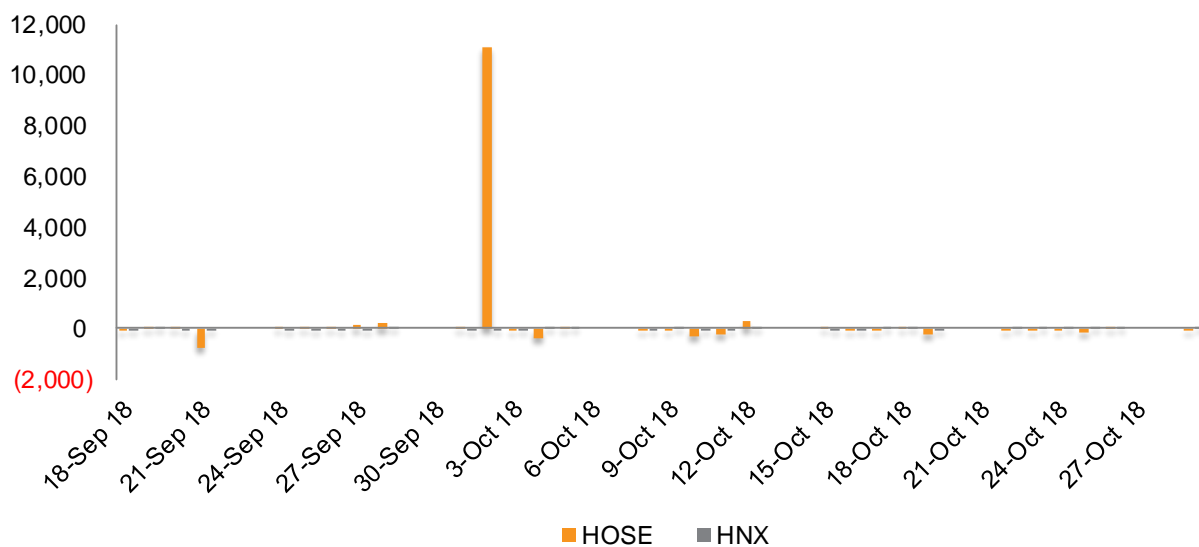
NVL - Sắp phát hành 22,7 triệu cổ phiếu ESOP, giá 10.000 đồng/cp - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, HoSE: NVL) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc triển khai phát hành cổ phiếu ESOP 2018. Cụ thể, công ty dự kiến phát hành 22,67 triệu cổ phiếu cho nhân viên công ty và nhân viên các công ty con, tỷ lệ 2,5%. Trong đó, số lượng cổ phần không bị hạn chế chuyển nhượng là 4,5 triệu đơn vị và số cổ phần hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 1 năm là 18,17 triệu đơn vị. Công ty chào bán cổ phiếu ESOP tại mức giá 10.000 đồng/cp, thời gian phát hành dự kiến trong quý IV/2018.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	9.1	1.2	MUA	337.5	16.7
% of market	6.6%	3.9%	% of market	11.1%	4.0%
BÁN	9.9	0.2	BÁN	386.9	2.0
% of market	7.2%	0.7%	% of market	12.7%	0.5%
MUA (BÁN) RÒNG	(0.79)	1.0	MUA (BÁN) RÒNG	(49.4)	14.7

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE	HNX	GTGD (Tỷ đồng)	HOSE	HNX
MUA	4,044.0	387.4	MUA	235,531.5	7,126.3
% of market	9.7%	3.4%	% of market	20.0%	4.3%
BÁN	3,702.2	426.3	BÁN	195,812.5	7,870.3
% of market	8.8%	3.8%	% of market	16.7%	4.7%
MUA (BÁN) RÒNG	341.8	(38.8)	MUA (BÁN) RÒNG	39,719	(744.0)

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VHM	61,800	-3,200	-4.92	35.0	-2.705
NT2	24,100	0	0.00	33.7	0.000
NLG	27,250	-1,250	-4.39	25.2	-0.083
GMD	26,900	50	0.19	24.6	0.005
VRE	35,200	200	0.57	24.3	0.120

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
HPG	38,850	-50	-0.13	43.3	-0.034	
VHM	61,800	-3,200	-4.92	40.5	-2.705	
NT2	24,100	0	0.00	33.0	0.000	
VIC	97,200	800	0.83	30.2	0.806	
VNM	120,000	-1,500	-1.23	26.1	-0.824	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
GMD	26,900	50	0.19	24.6	0.005	
SSI	27,400	-150	-0.54	9.1	-0.024	
KDH	31,400	-200	-0.63	8.6	-0.026	
SAB	222,000	800	0.36	7.6	0.162	
PTB	59,500	0	0.00	4.7	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
VIC	97,200	800	0.83	-22.4	0.806	
HPG	38,850	-50	-0.13	-21.4	-0.034	
HDB	34,100	-300	-0.87	-14.5	-0.093	
MSN	76,500	0	0.00	-10.7	0.000	
GAS	97,000	-4,800	-4.72	-10.0	-2.898	

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	19,100	35,200	1.60	10.5	0.000
SHB	7,500	-100	-1.32	3.8	0.000
DGC	44,100	500	1.15	0.9	0.000
SHS	13,400	0	0.00	0.4	0.000
TXM	14,900	-1,600	-9.70	0.1	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
MAS	45,000	400	0.90	0.4	0.000	
PLC	17,200	-300	-1.71	0.3	0.000	
PVC	6,600	0	0.00	0.3	0.000	
BPC	12,500	-1,100	-8.09	0.3	0.000	
TXM	14,900	-1,600	-9.70	0.1	0.000	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
PVS	19,100	300	1.60	10.5	0.000	
SHB	7,500	-100	-1.32	3.8	0.000	
DGC	44,100	500	1.15	0.9	0.000	
SHS	13,400	0	0.00	0.4	0.000	
THT	6,900	-400	-5.48	0.1	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
PLC	17,200	-300	-1.71	-0.35	0.000	
MAS	45,000	400	0.90	-0.35	0.000	
BPC	12,500	-1,100	-8.09	-0.26	0.000	
PVC	6,600	0	0.00	-0.16	0.000	
VGC	15,100	100	0.67	-0.11	0.000	

29/10/2018

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGD BQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	1 tháng	6 tháng									
1 VIC	97,200	-1.1	-8.6	-6.7	310,226	3,192	57.6	32.2	964,470	75.2	6.9	11.2	1.7
2 VNM	120,000	-12.6	-14.7	-22.2	208,971	1,741	46.2	41.0	776,042	23.7	8.0	34.9	28.8
3 VHM	61,800	-27.1	-27.1	N/A	207,000	3,350	30.3	33.4	838,029	32.9	2.2	N/A	N/A
4 VCB	52,900	-16.0	-6.4	-11.8	190,322	3,598	22.9	9.2	1,657,347	15.7	3.1	20.9	1.3
5 GAS	97,000	-16.2	14.4	-13.0	185,653	1,914	4.2	45.4	438,627	15.0	4.4	30.6	20.8
6 SAB	222,000	-0.2	7.2	4.2	142,364	641	10.4	39.2	29,322	31.3	9.1	31.2	21.9
7 BID	28,900	-17.9	16.5	-19.9	98,801	3,419	4.4	27.3	2,804,363	12.0	2.0	16.7	0.7
8 TCB	25,700	-11.8	-1.0	N/A	89,862	3,497	81.8	0.0	2,614,445	9.1	1.8	25.4	3.2
9 MSN	76,500	-17.6	-5.9	-16.7	88,981	1,163	34.3	11.0	1,174,534	14.1	4.7	32.2	8.8
10 HPG	38,850	-8.2	4.2	1.1	82,514	2,124	55.8	9.6	6,539,339	9.2	2.3	30.1	17.6
11 CTG	22,100	-19.8	-5.6	-24.6	82,287	3,723	15.8	0.0	4,799,830	10.6	1.2	12.2	0.7
12 VJC	124,800	-17.6	-9.2	-19.9	67,593	542	53.2	6.2	782,697	13.2	6.4	67.1	19.7
13 VRE	35,200	-16.0	-10.2	-24.0	66,918	1,901	100.0	17.6	1,940,272	44.5	2.6	5.7	5.6
14 BVH	94,700	-3.4	28.1	2.9	66,374	701	31.2	24.2	77,413	51.7	4.4	8.5	1.4
15 PLX	57,000	-19.7	0.5	-7.6	66,052	1,159	6.3	9.0	794,544	17.5	3.5	18.3	6.0
16 NVL	71,200	7.1	16.7	15.8	64,611	907	31.1	41.4	731,541	31.6	3.9	13.7	3.8
17 VPB	20,400	-23.9	-22.7	-34.7	50,118	2,457	76.1	0.0	4,791,639	7.7	1.8	26.9	2.5
18 MBB	21,250	-8.0	-7.6	-15.4	45,910	2,160	61.2	0.0	6,742,739	9.0	1.5	17.4	1.6
19 MWG	104,700	-17.7	-8.0	2.6	33,801	323	85.2	0.0	599,100	12.4	4.5	43.9	13.7
20 HDB	34,100	-12.2	2.1	-20.3	33,452	981	72.7	2.6	1,674,712	17.3	2.4	14.9	1.0
21 FPT	41,000	-11.4	-5.3	-17.3	25,156	614	81.7	0.0	805,571	8.0	2.1	28.6	11.4
22 STB	12,000	-11.1	7.1	-13.4	21,644	1,804	94.0	11.5	11,517,690	16.1	0.9	5.8	0.3
23 ROS	37,200	-7.7	-12.5	-48.1	21,115	568	27.0	46.8	1,280,680	27.0	3.7	14.6	8.3
24 BHN	84,100	-2.2	0.1	-19.5	19,494	232	0.9	31.4	1,773	30.3	5.1	17.3	6.7
25 EIB	13,700	-3.2	-2.1	-9.3	16,843	1,229	83.8	0.1	253,521	13.7	1.1	8.6	0.9
26 TPB	24,850	-5.2	-6.6	-17.7	16,546	666	74.4	0.0	416,031	14.5	2.1	15.9	0.8
27 PNJ	90,100	-14.6	-3.6	-21.0	14,609	162	64.1	0.0	607,350	16.6	4.3	30.0	19.2
28 SSI	27,400	-18.2	-1.8	-23.9	13,677	499	76.7	42.7	3,465,681	9.0	1.5	14.4	6.9
29 HNG	14,800	-13.7	-9.5	70.1	13,125	887	42.0	56.2	1,078,424	N/A	1.2	-4.1	-1.4
30 KDH	31,400	-7.6	6.7	-9.7	13,000	414	76.9	3.5	184,957	21.3	2.0	10.0	6.0
31 DHG	83,800	-16.2	-16.0	-16.2	10,957	131	22.1	50.6	201,107	20.8	3.7	18.3	14.6
32 CTD	139,100	-16.2	-5.4	3.0	10,890	78	86.9	4.7	147,184	6.9	1.3	21.1	11.6
33 SBT	20,900	-1.4	27.8	15.5	10,354	495	52.7	90.3	2,995,966	20.1	1.7	11.3	4.3
34 GEX	24,500	-14.8	-14.5	-20.1	9,961	407	69.1	36.4	1,947,099	9.7	1.8	22.3	6.9
35 REE	31,450	-14.8	-7.5	-12.4	9,751	310	84.4	0.0	708,057	5.9	1.2	20.9	12.5
36 YEG	279,200	25.8	28.3	N/A	8,733	31	93.2	54.8	13,331	112.9	21.8	29.0	11.6
37 VHC	93,800	-1.4	35.4	57.9	8,658	92	38.5	61.5	218,183	7.0	2.3	37.4	22.7
38 DXG	24,100	-19.9	-8.7	-17.2	8,431	350	69.4	1.4	2,959,447	7.9	1.8	25.9	9.0
39 VCI	50,000	-22.8	-7.7	-27.4	8,150	163	66.1	58.7	180,905	11.7	2.7	30.5	13.9
40 GMD	26,900	0.0	10.0	1.5	7,987	297	60.8	5.0	1,373,469	4.3	1.3	30.1	18.2
41 SCS	147,000	-3.4	N/A	N/A	7,348	50	99.1	33.6	14,958	22.6	8.7	40.8	35.2
42 TCH	20,200	-16.0	-19.5	-24.6	7,136	353	50.0	44.7	1,132,990	18.7	1.6	8.5	7.8
43 DPM	18,000	-7.2	1.1	-5.8	7,044	391	40.2	28.0	656,415	12.1	0.9	8.1	5.9
44 HCM	53,800	-22.0	-0.4	-24.8	6,970	130	66.5	38.1	214,991	8.8	2.3	27.8	15.1
45 NT2	24,100	-8.5	-9.4	-23.5	6,938	288	32.1	27.5	249,518	8.4	1.9	19.8	9.3
46 PDR	26,000	-5.5	-0.8	-21.7	6,926	266	37.8	43.0	1,378,879	13.4	2.2	18.3	5.1
47 VPI	42,150	-1.2	0.1	N/A	6,744	160	100.0	38.8	261,439	9.8	3.7	38.8	13.1
48 PAN	48,100	-15.6	-10.9	-26.6	6,421	133	46.7	59.9	95,045	12.8	2.1	16.0	6.8
49 PVD	15,300	-26.1	18.1	-10.0	5,858	383	49.4	31.6	4,470,719	N/A	0.4	-0.1	0.0
50 NLG	27,250	-16.4	-8.9	-15.8	5,765	212	63.6	0.0	662,859	6.6	1.4	22.4	9.6
51 CII	23,150	-14.7	-7.4	-26.5	5,665	245	85.7	15.8	696,635	N/A	1.1	-0.2	0.0
52 KBC	11,900	-6.3	0.0	-10.5	5,590	470	75.4	30.5	2,730,246	12.7	0.7	5.3	2.9
53 PPC	16,900	-15.9	-10.3	-8.2	5,418	321	24.7	34.3	370,782	5.5	0.9	17.0	12.3
54 PME	70,500	-3.2	-5.4	-3.5	5,288	75	99.0	0.0	7,734	16.3	3.3	19.3	16.0
55 KDC	25,200	-12.3	-25.9	-31.0	5,183	206	41.7	27.6	259,045	N/A	0.9	-1.2	-0.6
56 DCM	9,500	-13.6	-8.2	-20.8	5,029	529	24.4	45.0	874,353	12.0	0.8	6.6	3.8
57 LGC	25,700	-7.6	-4.8	-3.0	4,956	193	N/A	4.0	111	29.9	1.9	6.7	1.8
58 FRT	70,300	-7.6	-4.9	-25.5	4,780	68	92.1	1.2	10,124	17.0	6.0	42.9	6.8
59 PVT	16,500	-12.7	-0.6	-17.5	4,644	281	42.8	14.7	214,830	7.6	1.2	16.7	6.4
60 BMP	56,300	-11.3	1.3	5.6	4,609	82	42.4	22.6	262,547	10.1	1.9	18.5	16.1

Nguồn: Bloomberg 29/10/18

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales&Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT SALES & TRADING

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : phong.sale.trading@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>